

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2026/KDTM-ST**

Ngày: 27/02/2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Hách

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cờ

Bà Vũ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Hà Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2025/TLST-KDTM ngày 14 tháng 7 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2026/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2026/QĐST-KDTM ngày 30/01/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần X

Địa chỉ trụ sở: Toà nhà cửa Tiền P (nhà thương mại A) KDT C, Khối C, phường V, thành phố V, tỉnh N (nay là phường T, tỉnh N).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn B – Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Khối V, thị trấn N, N, N (nay là xã V, tỉnh N); SĐT: 0981.xxx.xxx

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Văn A, bà Trần Khánh L, bà Nguyễn Thị L1; Địa chỉ liên hệ: Tầng B Tòa nhà S, F D, phường C, thành phố H. (Có mặt bà L, vắng mặt bà Văn A và bà L1)

- Bị đơn: Công ty Cổ phần T1

Địa chỉ: Số B ngõ E L, phường L, quận Đ, thành phố H (nay là phường L, thành phố H).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công U – Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: P, phường T, quận T, thành phố H (nay là phường T, thành phố H); SĐT: 0944.xxx.xxx (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2025 và các văn bản trình bày ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của Công ty Cổ phần X trình bày như sau:

1. Ngày 04/04/2025, Công ty Cổ phần X (sau đây gọi là "Công ty X") và Công ty Cổ phần T1 (sau đây gọi là "Công Ty T1") ký kết 01 Hợp đồng kinh tế số 404/2025-HDKT-TB/TBM. Theo đó, Công ty T1 phải thực hiện các công việc liên quan đến thi công công trình được quy định tại Điều 1 của Hợp đồng; tổng giá trị Hợp đồng (đã bao gồm Thuế giá trị gia tăng 10%) là 1.883.231.167 đồng (Một tỷ tám trăm tám mươi ba triệu, hai trăm ba mươi một nghìn, một trăm sáu mươi bảy đồng); thời hạn Công ty T1 phải hoàn thành công việc là khoảng từ 20 - 30 ngày kể từ ngày Công ty T1 nhận đủ tiền tạm ứng của Công ty X.

Theo Điều 3 Hợp đồng đã ký kết, Công ty X đã tạm ứng cho Công ty T1 số tiền **660.000.000 đồng** (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng) theo Ủy nhiệm chi số 64001 ngày 08/04/2025, tương đương 35% giá trị Hợp đồng. Chiếu theo Điều 4.2 của Hợp đồng, trong thời hạn từ 20 – 30 ngày kể từ ngày nhận được khoản tiền tạm ứng, Công ty T1 có nghĩa vụ hoàn thiện thi công cũng như các công việc đã cam kết muộn nhất là vào ngày 08/05/2025.

Tuy nhiên, đến nay, dù đã quá thời hạn nêu trên, chúng tôi đã thực hiện nhắc nhở nhiều lần nhưng Công ty T1 vẫn không có bất cứ phản hồi hay thực hiện các hạng mục công việc nào. Đây được xem là vi phạm nghiêm trọng vào trách nhiệm của Công ty T1 theo Điều 5.1 của Hợp đồng:

“5.1. Trách nhiệm của bên B:

*- **Thi công đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt và quy định kỹ thuật của dự án. ...”***

Căn cứ tại điểm c khoản 2 Điều 28 của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP của Chính Phủ, quy định nghĩa vụ của bên nhận thầu thi công xây dựng: *“Thi công xây dựng theo đúng thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, bảo đảm chất lượng, tiến độ, an toàn, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ”*.

Như vậy, Công ty T1 đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thực hiện hợp đồng với chúng tôi. Căn cứ theo Điều 5.3 của Hợp đồng, trường hợp công ty T1 chậm tiến độ vì lý do chủ quan, sau 03 lần nhắc nhở bằng văn bản nếu thấy không chuyển biến thì Công ty X sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Từ ngày 10/5/2025 đến ngày 13/5/2025, Công ty X đã có 03 Thông báo gửi Công ty T1 về việc chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 404/2025-HDKT-TB/TBM. Theo đó, chúng tôi đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở và gia hạn thời gian để Công ty T1 thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng như đã cam kết. Tuy nhiên, Công ty T1 không có bất kỳ phản hồi nào bằng văn bản về sự chậm trễ tiến độ cũng như không hoàn thành nghĩa vụ của mình. Do đó, Công ty X có quyền đơn phương chấm dứt Hợp

đồng kinh tế số 404/2025-HDKT-TB/TBM do Công ty T1 vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ hợp đồng.

2. Về việc giải quyết hậu quả pháp lý khi chấm dứt Hợp đồng

Công ty X đã tạm ứng số tiền 660.000.000 đồng tương đương 35% giá trị hợp đồng song Công ty T1 lại không thực hiện bất cứ nghĩa vụ, công việc nào. Do đó, Công ty T1 – bên nhận tiền tạm ứng và không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp đồng thì phải có nghĩa vụ hoàn trả cho chúng tôi số tiền **660.000.000 đồng** (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng).

Ngoài ra, theo Điều 5.3 của Hợp đồng, Công ty T1 nếu chậm trễ trong việc thi công theo quy định của Hợp đồng sẽ phải chịu mức phạt 0,5% cho mỗi ngày chậm trên tổng giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Cụ thể, khoản tiền phạt vi phạm bồi thường tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/02/2026 theo Hợp đồng là: $0,5\% \times 1.883.231.167 \times 295 \text{ ngày} = 2.777.765.971$ đồng (Hai tỷ, bảy trăm bảy mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn, chín trăm bảy mươi một đồng).

Căn cứ theo Điều 301 Luật Thương mại 2005 quy định về Mức phạt vi phạm như sau: “Mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm...”. Chiếu theo Điều khoản này, mức phạt vi phạm khi áp dụng 8% giá trị của Hợp đồng là: $8\% \times 1.883.231.167 = 150.658.493$ đồng. Nói cách khác, mức phạt vi phạm tối đa mà Công ty X Mạnh yêu cầu Công ty T1 chịu sẽ là: $1.883.231.167 \times 8\% = 150.658.493$ đồng (Một trăm năm mươi triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng).

Số tiền yêu cầu phạt vi phạm tính đến ngày 27/02/2026 theo Hợp đồng đã vượt mức 8% tổng giá trị hợp đồng theo quy định nêu trên nên Công ty T1 phải chịu phạt vi phạm hợp đồng số tiền là 150.658.493 đồng (Một trăm năm mươi triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng).

Từ những cơ sở trên, chúng tôi đề nghị Toà án xem xét và quyết định: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X:

Thứ nhất, chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 404/2025-HDKT-TB/TBM ngày 04/04/2025 giữa Công ty Cổ phần X và Công ty Cổ phần T1.

Thứ hai, buộc Công ty Cổ phần T1 hoàn trả lại **660.000.000 đồng** (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng) cho Công ty Cổ phần X.

Thứ ba, buộc Công ty Cổ phần T1 thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại X số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 150.658.493 đồng (Một trăm năm mươi triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng).

Tổng số tiền Công ty T1 phải hoàn trả, thanh toán cho chúng tôi là 810.658.493 đồng (Tám trăm mười triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng).

Ngoài các nội dung trên Công ty Cổ phần X không yêu cầu Tòa giải quyết nội dung nào khác.

Quá trình tiến hành giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo cho Công ty Cổ phần T1 biết Tòa án đã thụ lý vụ án tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hoá do Công ty Cổ phần X khởi kiện đối với Công ty Cổ phần T1 và nhiều lần triệu tập Công ty Cổ phần T1 đến Tòa để giải quyết vụ án, nhưng Công ty Cổ phần T1 không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự giải quyết vụ án. Tòa án không thể tiến hành việc đối chất, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự. Bị đơn Công ty Cổ phần T1 không giao nộp bất kỳ tài liệu và chứng cứ nào cho Tòa án để giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Công ty Cổ phần X vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội buộc Công ty Cổ phần T1 thanh toán cho Công ty Cổ phần X số tiền 810.658.493 đồng (Tám trăm mười triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng) trong đó bao gồm tiền tạm ứng: 660.000.000 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng: 150.658.493 đồng.

Tại phiên tòa Công ty Cổ phần T1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội nhận định, đánh giá tính hợp pháp của Hợp đồng kinh tế số 404/2025-HDKT-TB/TBM ngày 04/4/2025 giữa Công ty Cổ phần X và Công ty Cổ phần T1 và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần X, buộc Công ty Cổ phần T1 có trách nhiệm thanh toán trả cho Công ty Cổ phần X toàn bộ số tiền 810.658.493 đồng (Tám trăm mười triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng) trong đó bao gồm tiền hoàn trả: 660.000.000 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng: 150.658.493 đồng.

Công ty Cổ phần X không phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Công ty Cổ phần T1 phải chịu án phí Kinh doanh thương mại và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Công ty Cổ phần T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng Công ty không lên Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay Công ty Cổ phần T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty Cổ phần T1 là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán khoản tiền phát sinh do vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ đã cam kết theo Hợp đồng kinh tế số 404/2025-HDKT-TB/TBM ngày 04/4/2025 về việc cung cấp và thi công giữa Công ty Cổ phần X và Công ty Cổ phần T1, là doanh nghiệp được thành lập theo luật doanh nghiệp, mục đích là để hoạt động kinh doanh phát sinh lợi nhuận. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án kinh doanh thương mại này là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá” theo khoản 1 điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo Điều 7 của Hợp đồng kinh tế số 404/2025-HDKT-TB/TBM ngày 04/4/2025, các bên đã thoả thuận: *“Trong thời gian thực hiện hợp đồng nếu có vấn đề gì phát sinh, hai bên phải kịp thời thông báo và cùng nhau bàn bạc giải quyết, nếu không giải quyết được sẽ khởi kiện tại toà án Kinh tế Bắc Ninh để giải quyết.”*. Tuy nhiên, tranh chấp giữa các bên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực mà tại Tòa án nhân dân khu vực không có Tòa án Kinh tế do vậy thoả thuận này không có giá trị pháp lý. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 điều 30, điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội.

[2]. Về nội dung:

Xét thấy Hợp đồng kinh tế số 404/2025-HDKT-TB/TBM ngày 04/4/2025 giữa Công ty Cổ phần X và Công ty Cổ phần T1 đáp ứng đầy đủ điều kiện về chủ thể ký kết và có nội dung phù hợp với quy định của pháp luật, nên hợp đồng được xác định là hợp pháp và có giá trị pháp lý.

[2.1]. Xét yêu cầu chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 404/2025-HDKT-TB/TBM ngày 04/04/2025 giữa Công ty Cổ phần X và Công ty Cổ phần T1, Hội đồng xét xử thấy:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần T1 đã không hoàn thành công việc trong thời hạn cam kết trong khi được Công ty Cổ phần X nhiều lần nhắc nhở. Căn cứ vào quy định tại Khoản 5.3 Điều 5 Hợp đồng số 404/2025-HDKT-TB/TBM ngày 04/4/2025: *“Trong trường hợp bên B chậm tiến độ vì lý do chủ quan,*

bên A sau 03 lần nhắc nhở, bằng văn bản nếu thấy không chuyển biến sẽ đơn phương chấm dứt hợp đồng với bên B và không thanh toán phần khối lượng đang thi công đang dở cho bên B” và Điều 428 Bộ luật dân sự: “1. Một bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trong hợp đồng hoặc các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định. 2. Bên đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc chấm dứt hợp đồng...”, Công ty Cổ phần X đã nhiều lần gửi thông báo cho Công ty Cổ phần T1 về việc chấm dứt Hợp đồng và yêu cầu Công ty Cổ phần T1 hoàn trả số tiền tạm ứng, chịu phạt vi phạm theo Hợp đồng kinh tế số 404/2025-HDKT-TB/TBM vào các ngày 10/5 – 13/5/2025.

Do vậy, yêu cầu của Công ty Cổ phần X đề nghị Tòa án chấm dứt Hợp đồng kinh tế số đồng kinh tế số 404/2025-HDKT-TB/TBM ngày 04/4/2025 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Xét yêu cầu hoàn trả số tiền 660.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng), Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ vào Điều 3 và Điều 4 Hợp đồng kinh tế số 404/2025-HDKT-TB/TBM ngày 04/4/2025, Công ty Cổ phần X sẽ tạm ứng cho Công ty Cổ phần T1 35% giá trị hợp đồng trong vòng 02 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ tạm ứng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần X đã thanh toán 660.000.000 đồng tương ứng 35% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần T1 theo Ủy nhiệm chi số 64001 ngày 08/4/2025. Theo đó, trong thời hạn từ 20 – 30 ngày kể từ ngày nhận được khoản tiền tạm ứng, Công ty Cổ phần T1 phải thi công và hoàn thiện toàn bộ các công việc đã cam kết. Tuy nhiên, sau khi nhận được đầy đủ khoản tiền tạm ứng theo thỏa thuận, Công ty Cổ phần T1 không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ, công việc nào và cũng không hoàn lại số tiền tạm ứng cho Công ty Cổ phần X.

Do vậy, Công ty Cổ phần X đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần T1 phải thanh toán hoàn trả Công ty Cổ phần X số tiền 660.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền phạt vi phạm hợp đồng là 150.658.493 đồng (Một trăm năm mươi triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng), Hội đồng xét xử thấy: Hành vi không thực hiện nghĩa vụ của Công ty Cổ phần T1 đã vi phạm hợp đồng các bên thỏa thuận tại khoản 5.3 Điều 5 Hợp đồng kinh tế số 404/2025-HDKT-TB/TBM ngày 04/4/2025 như sau: *“Trường hợp bên B chậm trễ trong việc thực hiện thi công tại Điều 4 của Hợp đồng này, bên B sẽ phải chịu mức phạt 0.5% (không phải năm phần trăm) cho mỗi ngày chậm trên tổng giá trị hợp đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)”*. Công ty Cổ phần T1 vi phạm nghĩa vụ kể từ ngày 09/5/2025, nên công ty phải chịu số tiền vi phạm theo thỏa thuận tính đến ngày 27/02/2026 là: $0.5\% \times 1.883.231.167 \times 295 \text{ ngày} = 2.777.765.971 \text{ đồng}$. Trong khi đó, Điều 301 Luật thương mại quy định: *“Mức phạt đối với vi phạm nghĩa*

vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thoả thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm”. Theo đó, số tiền phạt vi phạm tối đa mà công ty Cổ phần T1 phải chịu là: $1.883.231.167 \times 8\% = 150.658.493$ đồng. Căn cứ theo quy định của Luật thương mại; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Công ty Cổ phần X yêu cầu Công ty Cổ phần T1 thanh toán số tiền phạt vi phạm 150.658.493 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền Công ty Cổ phần T1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần X là: 810.658.493 đồng. Trong đó bao gồm tiền tạm ứng: 660.000.000 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng: 150.658.493 đồng.

[3]. Về án phí: Công ty Cổ phần X được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty Cổ phần T1 phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 428 Bộ luật Dân sự; Điều 300, Điều 301, Điều 319 Luật thương mại;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần X đối với Công ty Cổ phần T1 về việc thanh toán khoản tiền do không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết trong Hợp đồng kinh tế số 404/2025-HDKT-TB/TBM ký ngày 04/4/2025 giữa Công ty Cổ phần X và Công ty Cổ phần T1.

[2]. Xác nhận tính đến ngày 27/02/2026 Công ty Cổ phần T1 phải trả cho Công ty Cổ phần X số tiền là: 810.658.493 đồng (Tám trăm mười triệu, sáu trăm năm mươi

tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng) trong đó bao gồm tiền tạm ứng: 660.000.000 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng: 150.658.493 đồng.

[3]. Buộc Công ty Cổ phần T1 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần X tổng số tiền là: 810.658.493 đồng (Tám trăm mười triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng). Bao gồm tiền tạm ứng: 660.000.000 đồng và tiền phạt vi phạm hợp đồng: 150.658.493 đồng.

[4]. Về án phí: Công ty Cổ phần T1 phải chịu 36.319.745 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty Cổ phần X được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí. Hoàn trả Công ty Cổ phần X số tiền 17.459.877 đồng (Mười bảy triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, tám trăm bảy mươi bảy đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000516 ngày 11/7/2025 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, Công ty Cổ phần X có mặt và Công ty Cổ phần T1 vắng mặt. Công ty Cổ phần X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Công ty Cổ phần T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND Khu vực 2 – Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 2 – Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Hách